

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Yêu cầu đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa		
Yêu cầu đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	- Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa hoàn toàn phù hợp, đáp ứng bằng, tương đương hoặc cao hơn yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương V của E- HSMT. - Có catalogue (tài liệu giới thiệu/mô tả) hàng hóa cung cấp đáp ứng bằng, tương đương hoặc cao hơn yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương V của E-HSMT. - Có bảng so sánh (bảng kê) giữa thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu và thông số kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT đáp ứng bằng, tương đương hoặc cao hơn. - Nhà thầu phải nêu rõ nguồn gốc xuất xứ, chủng loại, ký mã hiệu, model, tình trạng và năm sản xuất của từng loại hàng hóa dự thầu. - Có giấy cam kết cung cấp giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa, cung cấp CO/CQ đối với hàng hóa nhập khẩu, giấy xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất trong nước.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc thiếu bất kỳ yêu cầu nào nêu trên hoặc Nhà thầu chào hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ, chủng loại, ký mã hiệu, model, tình trạng của từng loại hàng hóa dự thầu không rõ ràng (ví dụ: xuất xứ Châu Á, xuất xứ Châu Âu...được đánh giá là không rõ ràng) hoặc chào một hàng hóa với nhiều xuất	Không đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	xứ.	
2. Bảo hành		
Thời gian bảo hành, bảo trì. (Khuyến khích nhà thầu tăng thời gian bảo hành, bảo trì so với yêu cầu của E-HSMT).	- Bảo hành ≥ 03 năm đối với các thiết bị chào thầu	Đạt
	Không đáp ứng bất kỳ yêu cầu nào nêu trên	Không đạt
3. Tiến độ cung cấp hàng hóa		
Tiến độ cung cấp hàng hóa	- Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. - Có thời gian thực hiện gói thầu ≤ 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.	Đạt
	Không đáp ứng bất kỳ yêu cầu nào nêu trên	Không đạt
4. Uy tín của nhà thầu		
Uy tín của nhà thầu (Căn cứ theo khoản 1 Điều 20 Nghị định 214/2025/NĐ-CP)	- Không có trường hợp: + Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu; + Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 Nghị định 214/2025/NĐ-CP; + Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến	Đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định 214/2025/NĐ-CP; + Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; + Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu; + Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn;	
	Không đáp ứng bất kỳ yêu cầu nào nêu trên	Không đạt
Kết luận⁽¹⁾		

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất²:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSĐT sẽ được đánh giá như sau:
Không cho phép;

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSĐT và xét duyệt trúng thầu sẽ

² Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.

được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

